TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ - TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ - ST
Ngày:16/01/2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**

2. Bà **Ngô Thị Kim Quế**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Dũng** - Cán bộ Tòa án .

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội: (*Không tham gia).

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án thụ lý số 485/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 01năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị A**, sinh năm 1984

HKTT: thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

TQ; Thôn P, thị trấn Q, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1983

HKTT: thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

(*Chị A và anh B có mặt tại phiên toà)*

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và Biên bản hoà giải của chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Trần Văn B kết hôn với nhau ngày 04/12/2012 tại UBND xã Y, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, anh B nhiều lần đánh đập chị, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiến nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 25/10/2013, hiện nay cháu đang ở với anh Trần Văn B. Sau khi được Tòa án giải quyết cho ly hôn, nguyện vọng của chị A là được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị A trình bày chị hiện đang làm nghề tết tóc giả tại thị trấn Q huyện Ba Vì với mức thu nhập hàng tháng là 4.000.000đ - 5.000.000 đ (*Bốn triệu đồng đến Năm triệu đồng chẵn*).

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung:* không có.

Theo bản tự khai và Biên bản hoà giải anh Trần Văn B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau ngày 04/12/2012 tại UBND xã Y, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong đời sống hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không hợp tính cách. Chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 2/2017, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn.

- *Về con chung*: có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 25/10/2013, hiện nay cháu đang ở với anh. Nguyện vọng của anh B là được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Anh Trần Văn B trình bày anh hiện đang làm xưởng mộc tại gia đình, ở cùng với bố mẹ đẻ với mức thu nhập là 10.000.000đ -15.000.000 đ(*Mười triệu đồng đến Mười lăm triệu đồng chẵn*)(có xác nhận của chính quyền địa phương)

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*: không có

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn thị A và anh Trần Văn B đều giữ nguyên quan điểm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng dân sự:* Chị Nguyễn Thị A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội giải quyết . Xét thấy, anh Anh Trần Văn B là bị đơn có nơi cư trú tại xã Y, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị A và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2 năm 2017 cho đến nay. Nguyện vọng chị A và anh B đều xin được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào điều 55 và 56 luật Hôn nhân gia đình nhận thấy: chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được . Vì vậy chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A, Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B.

- *Về con chung*: có 1 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 25/10/2013. Hiện cháu đang ở với anh B. Cả chị A và anh B đều trình bày nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay chị A đang làm nghề tết tóc giả với mức thu nhập hàng tháng là 4.000.000đ - 5.000.000đ. Hiện nay anh B đang làm xưởng mộc tại gia đình, ở cùng với bố mẹ đẻ với mức thu nhập là 10.000.000đ -15.000.000 đ. Xét thấy, nguyện vọng của chị A và anh B đều chính đáng, nhưng hiện nay cháu Trần Văn T đang ở ổn định với anh Trần Văn B, xét về công việc thì anh B có thu nhập ổn định, lại có chỗ ăn ở nên HĐXX thấy cần phải tiếp tục giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Văn T đến trưởng thành hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Bác yêu cầu xin nuôi con chung của chị Nguyễn Thị A.

- *Về trợ cấp nuôi con chung*: anh Trần Văn B không yêu cầu chị Nguyễn Thị A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*: không có. Do vậy, HĐXX không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

Xử: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trần Văn B.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B.

- *Về con chung:* có 01 chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 25/10/2013. Giao cho anh Trần Văn B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Văn T đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị A cho đến khi anh Trần Văn B có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị A được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*: không có.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0008163 ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì. Nay khấu trừ và tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Ba Vì;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Vì;*
- *UBND xã Y.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thu Hường